UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐẠI ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 447/QĐ-UBND	*Đại Đồng, ngày 20 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi đất do UBND xã Đại Đồng quản lý để thực hiện Nhà máy sản xuất khí ôxy, bê tông và đúc cọc, xưởng gia công kết cấu thép của Công ty cổ phần đầu tư Đại Đồng trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định về bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 ban hành Quy định về bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 Ban hành quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh

Hưng Yên; số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 quy định hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 30/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 31/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 109/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Công văn số 669/UBND-KT2 ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc triển khai, thực hiện một số nội dung theo Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường cũ nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường lập ngày 20/11/2023;

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất do UBND xã Đại Đồng quản lý để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất khí ôxy, bê tông và đúc cọc xưởng gia công kết cấu thép của Công ty cổ phần đầu tư Đại Đồng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 184/TTr-KT ngày 17 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi **6.689,4 m²** (*Sáu nghìn sáu trăm tám mươi chín phẩy bốn mét vuông*) đất do UBND xã Đại Đồng quản lý; gồm các loại đất: 1.012,2m² đất chuyên trồng lúa (LUC), 2.756,1 m² đất giao thông (DGT), 2.077,4 m² đất thủy lợi (DTL), 619,2 m² đất mặt nước chuyên dùng (MNC), 221,5 m² đất nghĩa trang nghĩa địa (NTD) và 3,0 m² đất rác thải (DRA) tại các thửa đất số: 502, 504, 512, 513, 514, 548, 995, 557, 558, 559, 570, 576, 577, 588, 589, 590, 601, 605, 987, 997, 989, 1011, 1009, 677, 879, 1014, 915, 916, 917 tờ bản đồ địa chính số 11 tỷ lệ 1/2000 xã Đại Đồng và được xác định theo tờ Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường lập ngày 20/11/2023.

(*Có danh sách các thửa đất thu hồi kèm theo*).

Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất khí ôxy, bê tông và đúc cọc, xưởng gia công kết cấu thép của Công ty Cổ phần đầu tư Đại Đồng tại xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Đại Đồng có trách nhiệm giao quyết định này cho tổ chức, cá nhân có liên quan; niêm yết quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Phòng Văn hóa – Xã hội có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng.

3. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Đại Đồng có trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi, phối hợp với phòng Kinh tế xã và Chủ đầu tư thực hiện thủ tục đất đai theo quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu VT, KT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐẠI ĐỒNG T.HƯNG YÊN

Tôn Ngọc Chuẩn

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Danh sách các thửa đất thu hồi do UBND xã Đại Đồng quản lý để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất khí ôxy, bê tông và đúc cọc xưởng gia công kết cấu thép của Công ty Cổ phần đầu tư Đại Đồng trên địa bàn xã Đại Đồng

(Kèm theo Quyết định số: 447/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng).

STT	Đối tượng quản lý	Theo trích lục BĐ do Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 20/11/2023		Loại đất	Diện tích thu hồi (m^2)
		Số tờ	Số thửa		
1	UBND xã Đại Đồng	11	504	LUC	344,8
2	UBND xã Đại Đồng	11	513	LUC	0,2
3	UBND xã Đại Đồng	11	548	LUC	0,7
4	UBND xã Đại Đồng	11	995	LUC	0,4
5	UBND xã Đại Đồng	11	558	LUC	0,5
6	UBND xã Đại Đồng	11	576	LUC	0,1
7	UBND xã Đại Đồng	11	577	LUC	0,8
8	UBND xã Đại Đồng	11	588	LUC	1,2
9	UBND xã Đại Đồng	11	589	LUC	320,1
10	UBND xã Đại Đồng	11	590	LUC	0,3
11	UBND xã Đại Đồng	11	601	LUC	0,8
12	UBND xã Đại Đồng	11	987	LUC	0,3
13	UBND xã Đại Đồng	11	997	LUC	0,2
14	UBND xã Đại Đồng	11	989	LUC	56,4
15	UBND xã Đại Đồng	11	1011	LUC	0,3
16	UBND xã Đại Đồng	11	1009	LUC	25,4
17	UBND xã Đại Đồng	11	1014	LUC	0,3
18	UBND xã Đại Đồng	11	915	LUC	214,2
19	UBND xã Đại Đồng	11	916	LUC	0,2

STT	Đối tượng quản lý	Theo trích lục BĐ do Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 20/11/2023		Loại đất	Diện tích thu hồi (m^2)
		Số tờ	Số thửa		
20	UBND xã Đại Đồng	11	917	LUC	45,0
21	UBND xã Đại Đồng	11	667	DGT	101,0
22	UBND xã Đại Đồng	11	879	DGT	2.655,1
23	UBND xã Đại Đồng	11	557	DTL	521,0
24	UBND xã Đại Đồng	11	559	DTL	1.257,0
25	UBND xã Đại Đồng	11	570	DTL	44,4
26	UBND xã Đại Đồng	11	605	DTL	255,0
27	UBND xã Đại Đồng	11	514	MNC	619,2
28	UBND xã Đại Đồng	11	502	NTD	221,5
29	UBND xã Đại Đồng	11	512	DRA	3,0
Tổng cộng					**6.689,4**